

TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 10
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 277/2025/DS-ST
Ngày: 25-8-2025
V/v Tranh chấp dân sự về hui

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 10, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

– **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Tuyết

Các Hội thẩm nhân dân:

- Bà Phan Thị Dòn
- Ông Vũ Huy Hoàng

– **Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Minh Tâm – Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 10, Thành phố Hồ Chí Minh.

– **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 10, Thành phố Hồ Chí Minh:** Bà Vũ Thị Thái- Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 25 tháng 8 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 10, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 1124/2024/TLST-DS ngày 24 tháng 12 năm 2024 về “Tranh chấp dân sự về hui” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 34/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 07 tháng 7 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 135/2025/QĐST-DS ngày 07 tháng 8 năm 2025 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Trương Thị Ngọc D, sinh năm 1987;

Địa chỉ: xã H, Thành phố Hồ Chí Minh (xã H, huyện Bình Chánh cũ).

Người đại diện hợp pháp: Ông Nguyễn Phú T; địa chỉ: xã T, Thành phố Hồ Chí Minh (thị trấn T, huyện B cũ); là đại diện theo ủy quyền (Giấy ủy quyền ngày 10/6/2024 tại Văn phòng công chứng A, Thành phố Hồ Chí Minh) (Có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt).

Bị đơn: Bà Lê Thị T, sinh năm 1960;

Địa chỉ: xã B, Thành phố Hồ Chí Minh (xã T, huyện Bình Chánh cũ);

Người đại diện hợp pháp: Bà Nguyễn Thị Lan C, sinh năm 1974; địa chỉ: phường A, Thành phố Hồ Chí Minh (phường A, quận B cũ); là đại diện theo ủy quyền (Giấy ủy quyền số 01428, quyền số 02/2025TP/CC-SCC/HĐGD ngày 07/02/2025) (Có mặt).

NỘI D VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 25/11/2024 và trong quá trình giải quyết, đại diện nguyên đơn ông Nguyễn Phú T trình bày:

Bà Trương Thị Ngọc D và bà Lê Thị T có mối quan hệ quen biết, do đó bà D có tham gia 02 dây hụi do bà T làm chủ hụi, cụ thể như sau:

Dây hụi thứ nhất: Bà Trương Thị Ngọc D đã đóng đủ 21 tháng âm lịch (19 tháng cộng 1 tháng nhuận, nhuận 02/02 năm 2023), mỗi tháng đóng đủ 06 phần, mỗi phần góp đủ 2.000.000 đồng kể từ ngày 25/6/2022 âm lịch tức ngày 27/7/2022 dương lịch. Trong đó tổng số tiền bà D đã đóng là 252.000.000 đồng.

Dây hụi thứ hai: Bà Trương Thị Ngọc D đã đóng đủ 20 tháng âm lịch (19 tháng cộng 1 tháng nhuận, nhuận 02/02 năm 2023), mỗi tháng đóng đủ 15 phần, mỗi phần đóng đủ 2.000.000 đồng kể từ ngày 10/9/2022 âm lịch tức ngày 05/10/2022 dương lịch đến ngày 10/3/2024 âm lịch tức ngày 18/4/2024 dương lịch. Tổng số tiền bà D đã đóng là 600.000.000 đồng.

Giữa bà D và bà T có thỏa Tận bằng lời nói với nhau đến tháng 05/2024 bà D sẽ hốt 02 dây hụi trên và nhận lại tổng số tiền là 852.000.000 đồng. Tuy nhiên khi bà D liên hệ với bà T để yêu cầu nhận lại số tiền 852.000.000 đồng thì bà T không hợp tác và không trả lại tiền.

Nay bà D yêu cầu bà Lê Thị T trả số tiền 852.000.000 (tám trăm năm mươi hai triệu) đồng. Bà D không yêu cầu tính lãi đối với số tiền trên.

Việc chơi hụi của bà D và bà T chỉ liên quan đến 2 bà, không liên quan đến bất kì ai khác. Bà D cũng chỉ yêu cầu một mình bà T có nghĩa vụ trả số tiền nêu trên.

Việc bà D và bà T thỏa Tận chơi hụi không có sự chứng kiến của ai nên ngoài văn bản thỏa Tận về dây hụi do hai bên tự ký nhận với nhau thì bà D không cung cấp thêm được cho Tòa án tài liệu chứng cứ nào khác. Bà D xác nhận sự việc thực tế xảy ra như sau: Văn bản thỏa Tận về dây hụi đề ngày 25/6/2022 thực tế được viết vào ngày 10/9/2022. Lý do bà D viết lùi ngày là vì bà D chơi 2 dây hụi, dây thứ nhất ngày 25/6/2022 thì chỉ thỏa Tận miệng với nhau và bà D đóng tiền trực tiếp cho bà T không làm giấy tờ gì. Sau đó đến ngày 10/9/2022 khi bà D tiếp tục chơi dây hụi thứ hai thì mới lập văn bản thỏa Tận chơi hụi. Nội D của văn bản trên được viết vào những ngày khác nhau. Ngày 10/9/2022 bà D đã viết vào Văn bản thỏa Tận từ đầu cho đến đoạn: "...Ngày 25/6/2022 âm lịch có vô 6 phần hụi 2 triệu gồm 21 tháng có nhuận chơi hụi sống nuôi không hốt". Những dòng tiếp theo tại Văn bản thỏa Tận về dây hụi thì những lần sau mỗi lần đến nhà bà T để đóng tiền hụi thì bà D sẽ viết thêm tháng và ghi chữ R vào. Chữ ký và chữ viết tên của bà T là do bà T ký vào ngày 10/9/2022 khi bà D lập Văn bản thỏa Tận về dây hụi, những lần sau khi bà D đến đóng hụi thì bà T không ký vào nữa. Việc bà D đến nhà bà T hàng tháng để đóng hụi từ năm 2022 đến năm 2024 chỉ có bà D và bà T biết, không có ai biết và chứng kiến. Việc hai bên đóng hụi chỉ ghi vào Văn bản thỏa Tận về dây hụi của bà D, không ghi vào sổ của bà T hay bất kì văn

bản nào khác.

Tại các bản tự khai, biên bản hòa giải và trong quá trình giải quyết, đại diện bị đơn bà Nguyễn Thị Lan C trình bày:

Bà T quen biết bà D thông qua sui gia bên phía con trai bà T. Bà D biết bà T làm cái gộp hụi nên đến hỏi muốn tham gia chơi hụi chung. Ngày 25/6/2022 bà D đem Văn bản thỏa Tận về đây hụi đề ngày 25/6/2022 đến và yêu cầu bà T ký tên vào để xác nhận có chơi hụi để về nói chuyện với gia đình lấy tiền khi mở sẽ có tiền đóng hụi. Tại thời điểm bà T ký vào văn bản thỏa Tận thì chỉ có nội D chủ hụi và người chơi, từ đầu cho đến đoạn: "...Người tham gia (chơi) Bà: Trương Thị Ngọc D...6/8/1987 Nơi cư trú hiện tại: H, huyện B, TPHCM". Bà T có đọc qua nội D thì thấy không có gì, chỉ là nội D tên tuổi và đây hụi sẽ chơi nên đã ký tên. Tờ văn bản thỏa Tận về đây hụi thực tế là tờ giấy đôi, bà D đưa bà T ký vào mặt trước và mặt sau. Phần chữ từ đoạn sau là bà D ghi thêm vào, từ lúc xin bà T cho chơi hụi thì bà D không đóng tiền và không tham gia đợt nào cả.

Bà D chỉ đến nhà bà T một lần duy nhất lúc ký biên bản và sau đó không liên hệ nữa. Bà T sau khi khui hụi thì có gọi điện thoại cho bà D hỏi xem có tham gia không nhưng không thấy bà D đến đóng tiền nên bà T nghĩ bà D không tham gia chơi nữa. Từ đó cho đến nay bà T và bà D cũng không liên hệ gì với nhau.

Đối với tài liệu chứng cứ bà D cung cấp cho Tòa thì bà T có ý kiến như sau: Bà T là người chủ hụi nhiều năm, làm chủ hụi rất nhiều đây hụi nên việc ai chơi hụi đều được bà ghi cụ thể vào sổ, từng tháng ai đến đóng hụi bà đều ghi vào sổ và cho ký nhận vào sổ của người nộp tiền. Khi hốt thì con hụi sẽ ký nhận vào sổ cho bà T. Không có việc chơi hụi mà chỉ ghi một tờ giấy văn bản thỏa Tận rồi ghi chữ R vào từng tháng như vậy, bà D đưa ra tài liệu chứng cứ không có căn cứ và ngoài Văn bản thỏa Tận trên cũng không cung cấp được gì khác để chứng minh việc tham gia chơi hụi.

Nay đối với yêu cầu khởi kiện của bà D thì bà T hoàn toàn không đồng ý. Yêu cầu Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

Tại phiên tòa hôm nay:

Đại diện bị đơn giữ nguyên ý kiến tại các buổi hòa giải, xác nhận không chơi hụi với nguyên đơn, không nhận tiền đóng hụi của nguyên đơn nên không trả số tiền nguyên đơn yêu cầu. Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn vì không có chứng cứ để chứng minh cho yêu cầu của mình.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 10, Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật như sau:

- Về tố tụng: Trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Tòa án nhân dân Khu vực 10, Thành phố Hồ Chí Minh, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật về tố tụng. Việc tổng đạt các văn bản tố tụng cho các đương sự đều đã được thực hiện đúng quy định nên việc xét xử vắng mặt nguyên đơn là phù hợp

với quy định của pháp luật. Tuy nhiên, vụ án được đưa ra xét xử chưa đảm bảo thời hạn theo quy định tại Điều 203 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Về nội D: Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 10, Thành phố Hồ Chí Minh tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Bà Trương Thị Ngọc D khởi kiện yêu cầu bà Lê Thị T trả tiền hụi, đây là quan hệ “Tranh chấp dân sự về hụi”; bị đơn hiện cư trú tại xã Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh (xã Tân Quý Tây, huyện Bình Chánh cũ) nên căn cứ vào Nghị quyết số 81/2025/UBTVQH15 ngày 27/6/2025 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về việc thành lập Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Tòa án nhân dân khu vực, quy định phạm vi thẩm quyền theo lãnh thổ của Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Tòa án nhân dân khu vực có hiệu lực kể từ ngày 01/7/2025; khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì vụ án Tộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 10, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Về việc xét xử vắng mặt nguyên đơn:

Ngày 20/8/2025, đại diện nguyên đơn ông Nguyễn Phú Thành có đơn yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt. Xét thấy yêu cầu vắng mặt của đại diện nguyên đơn là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về nội D:

Nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả một lần số tiền 852.000.000 (tám trăm năm mươi hai triệu) đồng. Nguyên đơn không yêu cầu tính lãi đối với số tiền trên.

Bị đơn xác nhận không tham gia chơi hụi với nguyên đơn, không nhận tiền đóng hụi của nguyên đơn và không đồng ý trả số tiền 852.000.000 (tám trăm năm mươi hai triệu) đồng.

[3.1] Xét nội D tại “Văn bản thỏa Tận về dây hụi đề ngày 25/6/2022”, trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn cho rằng văn bản trên thực tế được viết vào ngày 10/9/2022 nhưng bà viết lùi ngày 25/6/2022 là vì bà D chơi 2 dây hụi, dây thứ nhất ngày 25/6/2022 thì chỉ thỏa Tận miệng với nhau và bà D đóng tiền trực tiếp cho bà T không làm giấy tờ gì. Sau đó đến ngày 10/9/2022 khi bà D tiếp tục chơi dây hụi thứ hai thì mới lập văn bản thỏa Tận về dây hụi, nội D của văn bản được viết từ đầu cho đến đoạn “...Ngày 25/6/2022 âm lịch có vô 6 phần hụi 2 triệu gồm 21 tháng có nhuận chơi hụi sống nuôi không hốt”. Phía bị đơn lại cho rằng “Văn bản thỏa Tận về dây hụi đề ngày 25/6/2022” được bà D mang đến nhà bà T và được

ký vào đúng ngày 25/6/2022. Nội D tại “Văn bản thỏa Tận về dây hụi đề ngày 25/6/2022”, bị đơn xác định chỉ viết từ đầu cho đến đoạn: “...Người tham gia (chơi) Bà: Trương Thị Ngọc D...6/8/1987 Nơi cư trú hiện tại: H, huyện B, TPHCM”. Tại buổi đối chất, nguyên đơn và bị đơn đã thống nhất được với nhau về việc bị đơn có ký tên và ghi họ tên vào văn bản thỏa Tận đồng thời nguyên đơn là người ghi thêm vào văn bản thỏa Tận các chữ số và chữ R trên các chữ số sau khi bị đơn đã ký tên. Tuy nhiên các đương sự không thống nhất với nhau về thời gian ký văn bản và nội D ghi trong văn bản.

Điều 471 của Bộ luật Dân sự năm 2015 quy định “*Họ, hụi, biêu, phường (sau đây gọi chung là họ) là hình thức giao dịch về tài sản theo tập quán trên cơ sở thỏa Tận của một nhóm người tập hợp nhau lại cùng định ra số người, thời gian, số tiền hoặc tài sản khác, thể thức góp lĩnh họ và quyền, nghĩa vụ của các thành viên*”.

Điều 12 Nghị định 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 về họ, hụi, biêu, phường quy định: “*Chủ họ phải lập và giữ sổ họ, trừ trường hợp có thỏa Tận về việc một thành viên lập và giữ sổ họ. Trường hợp dây họ không có chủ họ thì các thành viên thỏa Tận giao cho một thành viên lập và giữ sổ họ. Sổ họ có các nội D sau đây: ...ngày góp phần họ, số tiền đã góp họ của từng thành viên; ngày lĩnh họ, số tiền đã lĩnh họ của thành viên lĩnh họ; chữ ký hoặc điểm chỉ của thành viên khi góp họ và lĩnh họ...*”. Điều 13 quy định: “*Khi góp họ, lĩnh họ, nhận lãi hoặc thực hiện giao dịch khác có liên quan thì thành viên có quyền yêu cầu chủ họ hoặc người lập, và giữ sổ họ cấp giấy biên nhận về việc đó*”.

Tại “Văn bản thỏa Tận về dây hụi” các bên không thống nhất về ngày lập văn bản, nội D của văn bản trên cũng không quy định rõ số người tham gia, thời gian, số tiền, hình thức lĩnh hụi như thế nào. Việc góp hụi của các bên không lập sổ và không ký nhận trong mỗi lần góp hụi. Bị đơn cũng trình bày đã làm chủ hụi nhiều năm, chơi rất nhiều dây hụi, mỗi dây hụi đều được ghi vào sổ đầy đủ. Mỗi tháng ai đóng hụi đều được ghi và cho ký nhận vào sổ do bị đơn giữ. Tại phiên tòa đại diện bị đơn xác nhận vào ngày 25/6/2022 bà T có mở 01 dây hụi, có lập sổ hụi nhưng bà D không tham gia, ngày 10/9/2022 bà T không mở dây hụi mà đến tháng 10/2022 bà T mới mở 01 dây hụi, có lập sổ hụi và cũng không có bà D tham gia. Tài liệu chứng cứ là các sổ hụi do bị đơn cung cấp phù hợp với lời khai của bị đơn tại phiên tòa, do đó có cơ sở để xác định nguyên đơn đã không tham gia các dây hụi do bị đơn là chủ hụi. Như vậy Hội đồng xét xử nhận thấy, giao dịch dân sự về hụi giữa hai bên chưa được thực hiện.

[3.2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Căn cứ tài liệu chứng cứ do nguyên đơn cung cấp, phần trình bày của đương sự tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả số tiền góp 2 dây hụi là 852.000.000 (tám trăm năm mươi hai triệu) đồng nhưng không cung cấp được tài liệu chứng cứ chứng minh cho yêu cầu của mình là có căn cứ và hợp pháp. Nội D văn bản thỏa Tận dây hụi do nguyên đơn cung cấp thể hiện mỗi tháng đóng tiền đều do nguyên đơn tự viết và ghi chữ “R” mà không có sự xác nhận của bị đơn. Tài liệu chứng cứ trên chưa đủ cơ sở để xác định giữa các đương sự có giao dịch

dân sự về hội theo quy định của pháp luật. Ngoài văn bản thỏa Tận trên nguyên đơn không cung cấp được thêm bất kì tài liệu chứng cứ nào khác.

Từ những trình bày của đương sự tại phiên tòa và xem xét các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử nhận thấy không có cơ sở để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[4] Về ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 10, Thành phố Hồ Chí Minh: Tại phiên tòa hôm nay, đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 10, Thành phố Hồ Chí Minh đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát là phù hợp với nhận định nêu trên của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[5] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 92; Điều 227; Điều 228; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;
- Căn cứ Điều 471 của Bộ luật Dân sự năm 2015;
- Căn cứ Điều 26 của Luật thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014);
- Căn cứ Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 về họ, hội, biểu, phường;
- Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu bị đơn trả số tiền góp hội là 852.000.000 (tám trăm năm mươi hai triệu) đồng.

2. Về án phí:

Bà Trương Thị Ngọc D chịu án phí dân sự sơ thẩm là 37.560.000 đồng (Ba mươi bảy triệu năm trăm sáu mươi nghìn đồng) nhưng được cản trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà D đã nộp là 18.780.000 đồng (Mười tám triệu bảy trăm tám mươi nghìn đồng) theo Biên lai T tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án ký hiệu: BLTU/24P, số: 0051574 ngày 18/12/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh (Nay là Phòng thi hành án dân sự Khu vực 10, Thành phố Hồ Chí Minh). Bà D phải nộp số tiền án phí dân sự sơ thẩm là 18.780.000 đồng (Mười tám triệu bảy trăm tám mươi nghìn đồng).

3. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa Tận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7,7a và 9 của Luật thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014). Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Các Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa